

Bản án số: 683/2024/LĐ-ST  
Ngày: 24/4/2024  
V/v tranh chấp tiền lương, BHXH,  
trợ cấp thôi việc.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Tài
- Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:**  
Bà Vũ Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0426/2022/TLST-LĐ ngày 11/3/2022 về tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26/02/2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 72/2024/QĐST-LĐ ngày 26/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: B Chung cư T, B L, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: A Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy của bị đơn: Bà Lê Thị Thúy H1

Địa chỉ: Số D, Đường D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của bà, ngày kết thúc làm việc là từ ngày 18/11/2021 và theo quyết định thôi việc là ngày 16/11/2021, như vậy là Công ty thanh toán thiếu 2 ngày lương cho bà là 2.400.000 đồng. Căn cứ vào Phụ lục Hợp đồng lao động số 62-2020/PLLD-TTS ngày 01/9/2020, mức lương Gross trên hợp đồng của bà là 27.793.000 đồng, số BHXH và sao kê lương ngân hàng V, thực nhận mỗi tháng là 24.866.768 đồng, nhưng từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 bà chỉ nhận được 65.138.900 đồng thay vì 149.200.608 đồng, như vậy, số lương Công ty thanh toán thiếu cho bà là 84.061.708 đồng. Hơn nữa theo quy định của BHXH

thì sau 15 ngày thanh toán BHXH, Công ty phải nộp BHXH nguyên 1 tháng, dù căn cứ theo đơn xin nghỉ việc của bà hay quyết định nghỉ việc của Công ty thì Công ty vẫn vi phạm và thanh toán thiếu BHXH tháng 11/2021 cho bà là 2.475.480 đồng. Công ty không thanh toán trợ cấp 01 tháng thôi việc cho bà là 24.866.768 đồng.

Tại văn bản ngày 26/5/2022 và các biên bản của Tòa án, bị đơn là Công ty TNHH T có người đại diện trình bày: Đối với yêu cầu bị đơn trả 02 ngày lương làm việc thì bị đơn đã thực hiện việc thanh toán lương cho bà H số tiền 10.875.022 đồng tương đương 18 ngày lương bán thời gian (từ ngày 01/11/2021 đến 18/11/2021) mặc dù trên thực tế bà H chỉ làm việc 7 ngày bán thời gian và 2 ngày bán thời gian nghỉ phép năm. Như vậy, bị đơn đã hoàn thành trách nhiệm chi trả lương cho bà H.

Đối với yêu cầu BHXH tháng 11/2021 của bà H thì bà H đã kết thúc công việc tại công ty từ ngày 02/11/2021 và số ngày làm việc dưới 15 ngày nên công ty không thực hiện việc tham gia BHXH theo quy định.

Đối với yêu cầu 01 tháng tiền trợ cấp thôi việc 24.866.768 đồng của bà H thì bà H luôn tham gia quá trình đóng BHXH thất nghiệp từ khi làm việc với công ty nên trợ cấp thôi việc là không có.

Đối với yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền chênh lệch lương là 84.061.708 đồng của bà H thì trong thời gian dịch Covid-19 diễn ra, nhân viên đã được thông báo về việc giảm số lượng nhân viên và giảm thời gian lao động do không có hoạt động trong thời gian này. Thời gian làm việc của bà H chỉ còn 50% nên mức lương nhận được cũng giảm tương ứng. Công ty thực hiện việc chi trả lương theo ngày công thực tế của nhân viên. Còn đối với mức lương đóng BHXH thì có một số nhân viên yêu cầu công ty cho phép tiếp tục tham gia BHXH-BHYT theo mức lương toàn phần để đảm bảo quyền lợi, trong đó có bà H, nhân viên sẽ đóng số tiền chênh lệch này và trừ trực tiếp vào lương. Vì vậy không có sự chênh lệch lương theo như bà H đã trình bày.

Vì những lý do trên, bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuy nhiên, bị đơn vẫn đồng ý hỗ trợ cho bà H những khoản tiền sau: Thanh toán BHXH của tháng 11/2021 số tiền là 2.175.100 đồng, tương ứng với nghĩa vụ tham gia BHXH của Công ty (20%). Trợ cấp 01 tháng tiền lương toàn thời gian cho nhân viên với số tiền là 24.576.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn thay đổi là không đồng ý trợ cấp 01 tháng tiền lương toàn thời gian cho bà H với số tiền 24.576.000 đồng nữa vì ý kiến này đưa ra là để hai bên hòa giải, giải quyết vụ án nhanh chóng, nhưng nguyên đơn không đồng ý và luôn vắng mặt khiến vụ án kéo dài cho tới nay. Bị đơn vẫn đồng ý đóng số tiền BHXH của người sử dụng lao động và tự nguyện đóng số tiền BHXH của người lao động nếu tháng 11/2021 thuộc trường hợp phải đóng BHXH.

Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ngoại trừ việc vi phạm thời tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn, vi

phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Việt kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chưa thực hiện đúng về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán 02 ngày lương là 2.400.000 đồng, trợ cấp 01 tháng thôi việc là 24.866.768 đồng, số tiền lương chênh lệch tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 là 84.061.708 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận vì yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán BHXH tháng 11/2021 là 2.475.480 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận vì tháng 11/2021 thuộc trường hợp phải đóng BHXH.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Công ty TNHH T có trụ sở tại A Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/10/2021 Công ty TNHH T ban hành quyết định số 72/2021/QĐTV-TTD chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị H. Ngày 25/02/2022, bà H có đơn khởi kiện đối với Công ty TNHH T là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 02 ngày lương là 2.400.000 đồng, đóng bảo hiểm xã hội tháng 11/2021 là 2.475.480 đồng, trợ cấp 01 tháng thôi việc là 24.866.768 đồng, số tiền lương chênh lệch tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 mà bị đơn thanh toán thiếu là 84.061.708 đồng, tổng cộng là 113.804.276 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ hợp đồng lao động số 2/HĐLĐ-TTD/2016 ngày 01/9/2016, phụ lục hợp đồng số 33/2019/PLHF-TTD ngày 01/10/2019, phụ lục hợp đồng số 30-2020/PLHF-TTD ngày 01/6/2020 và phụ lục hợp đồng số 62-2020/PLHF-TTD ngày 01/9/2020, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, mức lương chính là 24.576.000 đồng/tháng gồm lương cơ bản là 23.576.000 đồng, phụ cấp (tiền điện thoại, tiền ăn, tiền trang phục) là 1.000.000 đồng, chức danh chuyên môn của nguyên đơn là Trợ lý giám đốc. Hợp đồng lao động giữa các bên đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại các Điều 13, 14, 15, 20, 21, 22, 23 Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, các bên có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có các Quyết định yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số 2029/2023/QĐ-GNTLCC ngày 15/8/2023; số 2224/2023/QĐ-GNTLCC ngày 06/11/2023; 877/2024/QĐ-GNTLCC ngày 27/3/2024 về việc yêu cầu nguyên đơn trình bày cụ thể yêu cầu khởi kiện và những vấn đề liên quan đến các cuộc họp, email, bảng chấm công, tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc, tiền bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 05/2021 đến tháng 11/2021 và Tòa án có nhận được đơn xin giải trình tài liệu chứng cứ ngày 29/8/2023, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 30/11/2023, đơn giải trình & xin giải quyết vắng mặt ngày 09/4/2024 của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại các văn bản trên, nguyên đơn đã không trả lời cụ thể những nội dung tại theo các Quyết định yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định để giải quyết vụ án.

3.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 02 ngày lương là 2.400.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, tại đơn khởi kiện, bản trình bày ý kiến của nguyên đơn xác định theo đơn xin nghỉ việc ngày 05/10/2021, nguyên đơn xin được thôi việc kể từ ngày 18/11/2021 nhưng Quyết định về việc thôi việc ngày 01/10/2021 công ty chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn từ ngày 16/11/2021, do đó, nguyên đơn cho rằng công ty đã thanh toán thiếu 02 ngày lương là 2.400.000 đồng. Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, bị đơn trình bày vào tháng 10/2021, nguyên đơn được nghỉ phép từ ngày 25/10/2021 đến ngày 29/10/2021 và hai bên đã thống nhất nguyên đơn sẽ đi làm vào các ngày nghỉ này, giờ đi làm sẽ được tính vào tháng 11/2021, nguyên đơn sẽ không phải đến công ty kể từ ngày 02/11/2021 và mặc dù trên Quyết định ngày 01/10/2021 là chấm dứt hợp đồng từ ngày 16/11/2021 nhưng công ty vẫn trả lương đến ngày 18/11/2021. Lời trình bày của bị đơn phù hợp với nội dung trao đổi qua email của nguyên đơn gửi cho bị đơn vào ngày 17/10/2021.

Căn cứ những nội dung bảng danh sách chi lương nhân viên tháng 11/2021, bà H đã nhận số tiền lương của tháng 11/2021 là 10.875.522 đồng cho 18 ngày làm việc nửa buổi (từ ngày 01 đến 18/11/2021), như vậy, bị đơn đã thanh toán đủ tiền lương theo thỏa thuận của hai bên nên yêu cầu này của nguyên đơn không cơ sở chấp nhận.

3.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả trợ cấp 01 tháng thôi việc là 24.866.768 đồng. Hội đồng xét xử thấy, theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động 2019 quy định “thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là

tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.”

Căn cứ văn bản số 94/BHXH-7906 ngày 05/7/2022 của **Bảo hiểm xã hội quận B** trả lời về quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà **Nguyễn Thị H** thì trong thời gian bà **H** làm việc cho **Công ty TNHH T**, bà **H** đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp liên tục từ tháng 10/2012 đến tháng 10/2021 và căn cứ văn bản số 5820/BHXH-QLT ngày 22/9/2022 của **Bảo hiểm xã hội Thành phố H** trả lời như sau “Bà **Nguyễn Thị H** sinh ngày 01/12/1977, chứng minh nhân dân số 142553736, mã số BHXH 7912356485 hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 2977 ngày 11/01/2022, thời gian hưởng tính từ ngày 11/01/2022, số tháng hưởng 08 tháng, số tiền hưởng 14.145.600 đồng/tháng, thời gian còn bảo lưu BHTN là 06 tháng (từ tháng 05/2021 đến tháng 10/2021). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả trợ cấp 01 tháng thôi việc là không được chấp nhận.

3.3. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả chênh lệch lương từ tháng 06/2021 đến 11/2021 là 84.061.708 đồng. Hội đồng xét xử thấy, bị đơn là Công ty có ngành, nghề kinh doanh về lĩnh vực giáo dục nên theo chỉ thị số 79/CT-BGDĐT ngày 28/01/2021 của **Bộ G** và các công văn có liên quan của **Ủy ban nhân dân Thành phố H** về tạm ngưng các hoạt động dạy - học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian dịch Covid 19 diễn ra, bị đơn đã tổ chức các cuộc họp để thông báo tình hình hoạt động của công ty và đưa ra các phương án làm việc cho người lao động lựa chọn. Căn cứ bảng đăng ký giữ nguyên BHXH có chữ ký và chữ viết của bà **H** ghi ngày 16/6/2021 và giấy xác nhận lương của bị đơn ngày 22/9/2021 được lập theo yêu cầu của nhân viên để sử dụng khi có yêu cầu thì mức lương gộp của bà **H** giảm xuống còn 13.896.500 đồng cho công tác bán thời gian (lương thực nhận là 12.880.520 đồng), như vậy, có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận về làm việc bán thời gian và giữ nguyên lương để đóng BHXH. Ngoài ra, trong suốt quá trình nhận lương từ tháng 06/2021 cho đến khi nộp đơn xin thôi việc nguyên đơn đã không có ý kiến gì về số tiền lương đã nhận. Do đó, số tiền lương bị đơn đã trả cho nguyên đơn từ tháng 06/2021 đến tháng 11/2021 sau khi trừ đi khoản tiền BHXH phải đóng là phù hợp với thời gian thực tế làm việc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền chênh lệch lương 84.061.708 đồng.

3.4. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán BHXH tháng 11/2021 cho bà là 2.475.480 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (sửa đổi năm 2015, 2018) thì nguyên đơn, bị đơn thuộc đối tượng phải tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

Căn cứ khoản 3 Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (sửa đổi năm 2015, 2018) quy định “Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng bảo hiểm xã hội tháng đó. Thời gian này không được tính để hưởng bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.”

Theo bị đơn khai số ngày công chuẩn mỗi tháng là 23 ngày. Căn cứ bảng chấm công tháng 11/2021 thì nguyên đơn làm việc là 18 ngày, hai bên thỏa thuận 01 ngày làm việc là làm nửa buổi, 04 giờ và người lao động được hưởng lương tương ứng với thời gian làm việc, nên nguyên đơn có làm nửa buổi, 04 giờ cho 01 ngày thì vẫn tính 01 ngày làm việc để đóng BHXH. Như vậy, số ngày nguyên đơn không làm việc và không hưởng tiền lương không quá 14 ngày là thuộc trường hợp phải đóng Bảo hiểm xã hội. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải đóng tiền BHXH tháng 11/2021 cho nguyên đơn.

Căn cứ văn bản số 92/BHXH-7906 ngày 23/4/2024 của Bảo hiểm xã hội quận B và khoản 26 Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BLĐTBXH thì Số tiền bảo hiểm xã hội (bao gồm cả BHYT, BHTN) bị đơn phải đóng là 21,5%, của người lao động là 10,5%.

Căn cứ văn bản số 94/BHXH-7906 ngày 05/7/2022 của Bảo hiểm xã hội quận B trả lời về quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị H thì mức lương để đóng BHXH là 23.576.000 đồng.

Căn cứ Điều 19, khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (sửa đổi năm 2015, 2018) thì trách nhiệm của người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định và hàng tháng trích từ tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Do đó, bị đơn phải đóng tiền BHXH (bao gồm cả BHYT, BHTN) mà người sử dụng lao động và người lao động phải đóng tháng 11/2021 với mức lương đóng BHXH là 23.576.000 đồng/tháng.

Tháng 11/2021, bị đơn đã thanh toán nguyên lương cho nguyên đơn, chưa trừ số tiền bảo hiểm xã hội mà người lao động phải đóng. Tuy nhiên, bị đơn đồng ý tự nguyện đóng tiền bảo hiểm xã hội mà người lao động phải đóng, không yêu cầu nguyên đơn hoàn trả lại. Xét, sự tự nguyện của bị đơn không vi phạm quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng đối với số tiền bảo hiểm xã hội mà người sử dụng lao động phải đóng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, 14, 15, 20, 21, 22, 23, 46, 109 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 2, Điều 21, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2015, 2018).

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử***

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H về việc buộc Công ty TNHH T phải thanh toán 02 ngày lương là 2.400.000 đồng, trợ cấp 01 tháng thôi việc là 24.866.768 đồng, số tiền lương chênh lệch tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 là 84.061.708 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hòa

Buộc Công ty TNHH T phải đóng tiền BHXH (bao gồm cả BHYT, BHTN) mà người sử dụng lao động và người lao động phải đóng tháng 11/2021 với mức lương 23.576.000 đồng/tháng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật BHXH (bao gồm cả BHYT, BHTN).

4. Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn là Công ty TNHH T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn là Công ty TNHH T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vương Thị Lan Phương**

